

Số: 01/BC-THKL

Keo Lôm, ngày 05 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
HKI, Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH Keo Lôm.

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Tà Ghênh C, xã Na Son, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0914408670
- Trang thông tin điện tử: <https://thkeolom.dienbien.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Na Son, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Bản Tà Ghênh C, xã Na Son, tỉnh Điện Biên Trường PTDTBT TH Keo Lôm là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Duy trì các tiêu chí của trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1, Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 25/25 = 100%

4.3.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99.1%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

4.3.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường PTDTBT TH Keo Lôm được thành lập năm 2012 theo Quyết định số 2067/QĐUB ngày 30/11/2012 của UBND huyện Điện Biên Đông với tên là Trường PTDTBT TH Keo Lôm.

Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Xong tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường PTDTBT TH Keo Lôm liên tục được Chủ tịch UBND huyện Điện Biên Đông công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025. Năm học 2020-2021 được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Hằng năm có 100% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 10% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, có 5-6 cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”. Tập thể nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Phạm Thị Liên
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0914. 408.670
- Gmail: phamthiliendbd@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

Trường PTDTBT TH Keo Lôm được thành lập năm 2012 theo Quyết định số 2067/QĐUB ngày 30/11/2012 của UBND huyện Điện Biên Đông.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

Quyết định 2423/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Điện Biên Đông.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Bà Phạm Thị Liên	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐ;	

2.	Bà Lò Thị Bình	P'Hiệu trưởng, Phó chủ tịch HĐ;	
3.	Ông Đỗ Ngọc Thụ	Chủ tịch Công đoàn, Thư ký HĐ	
4.	Ông Đỗ Văn Bộ	P'Hiệu trưởng, thành viên;	
5.	Quàng Văn Tĩnh	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
6.	Trần Thị Tâm	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
7.	Bà Bùi Thị Thắm	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
8.	Bà Nguyễn Thị Hằng	Tổ trưởng chuyên môn, Thành viên;	
9.	Ông Nguyễn Văn Hoài	Bí thư Đoàn thanh Niên, Thành viên;	
10.	Bà Vàng Thị Dừa	Phó chủ tịch UBND xã, Thành viên;	
11.	Đại diện cha mẹ học sinh	Hội trưởng hội phụ huynh, thành viên	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Phạm Thị Liên: QĐ điều động và bổ nhiệm HT số 941/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Điện Biên Đông.
- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Lò Thị Bình: QĐ số 2291/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện Điện Biên Đông.
- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng Đỗ Văn Bộ: QĐ số 7644/QĐ-UBND ngày 9/8/2024 của UBND huyện Điện Biên Đông

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 486 đội viên và nhi đồng

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 5 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Đổi tên thành trường PTDTBT TH Keo Lôm theo Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của UBND huyện Điện Biên Đông.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
---------	-----------	---------	---------------	-------------

1	Phạm Thị Liên	Hiệu trưởng	0914408670	phamthiliendbd@gmail.com
2	Lò Thị Bình	Phó hiệu trưởng	0911181100	lothibinh.1982@gmail.com
3	Đỗ Văn Bộ	Phó hiệu trưởng	0342678441	

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào

tạo: Tổng số 30 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	15	
2	Giáo viên TH hạng III	10	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị- Thư viện	0	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
4	Vị trí việc làm Văn thư , thủ quỹ	0	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			

1	Nhân viên bảo vệ	0	
2	Nhân viên phục vụ	0	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- CBQL, giáo viên được công nhận hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo Quyết định số 630/QĐ-SGDĐT ngày 17/6/2025 là: 28/28 đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 01 điểm trường lẻ.

Với diện tích là 7690.0m²/479 học sinh, trung bình đạt 15,95 m²/học sinh

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Khối công trình	Số lượng/phòng/khu vực	Đánh giá theo yêu cầu tối thiểu
Khối hành chính – quản trị	01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng y tế, 01 phòng kế toán.	Đạt yêu cầu
Khối phòng học tập	19 phòng học (đảm bảo đủ 1 lớp/phòng), 01 phòng học tin học, 01 phòng học tiếng Anh, 01 phòng mỹ thuật, 01 phòng âm nhạc)	Đạt yêu cầu
Khối phòng hỗ trợ học tập	01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị – đồ dùng dạy học	Đạt yêu cầu
Khối phụ trợ	03 nhà vệ sinh học sinh, 01 phòng bảo vệ, 02 kho, 01 nhà tắm HS.	Đạt yêu cầu

Khu sân chơi, thể dục thể thao	01 sân chơi chung có diện tích 1100 m ²	Đạt yêu cầu
Khối phục vụ sinh hoạt	01 nhà ăn bán trú, 01 khu bếp ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Đạt yêu cầu
Hạ tầng kỹ thuật	Có hệ thống điện lưới quốc gia, nước sạch, mạng internet, hệ thống thoát nước	Đạt yêu cầu

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học tương đối đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thống và hoạt động Đội; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt cơ bản đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 15 máy tính 5 máy hoạt động được, số còn lại đã xuống cấp từ nhiều năm. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	04	1/1
2	Khối lớp 2	04	1/1
3	Khối lớp 3	03	1/1
4	Khối lớp 4	03	1/1
5	Khối lớp 5	03	1/1
II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục	15	15 bộ/lớp

	vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
III	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Tăng âm, loa	01	
6	Máy chiếu qua đầu	01	
7	bảng chống lóa, bàn ghế đạt chuẩn	8	

Có tương đối đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Nhà trường thiếu hệ thống máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo Phòng GD&ĐT đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Tên sách	Số lượng HS	Số lượng SGK
	Sách GK khối 1	90	90
1	Tiếng Việt 1 tập 1 - Kết Nối		90
2	Tiếng Việt 1 tập 2 - Kết Nối		90
3	Toán 1, tập 1 - Kết Nối		90
4	Toán 1, tập 2 - Kết Nối		90
5	Đạo đức 1 - Kết Nối		90
6	Tự nhiên xã hội 1 - Kết Nối		90

7	Giáo dục thể chất 1 - Kết Nối		90
8	Âm nhạc 1 - Kết Nối		90
9	Mĩ thuật 1 - Kết Nối		90
10	Hoạt động trải nghiệm 1 - Kết Nối		90
II.	SGK 2	99	
1	Tiếng Việt 2 tập 1 - Kết Nối		99
2	Tiếng Việt 2 tập 2 - Kết Nối		99
3	Toán 2, tập 1 - Kết Nối		99
4	Toán 2, tập 2 - Kết Nối		99
5	Đạo đức 2 - Kết Nối		99
6	Tự nhiên xã hội 2 - Kết Nối		99
7	Giáo dục thể chất 2 - Kết Nối		99
8	Âm nhạc 2 - Kết Nối		99
9	Mĩ thuật 2 - Kết Nối		99
10	Hoạt động trải nghiệm 2 - Kết Nối		99
III.	SGK 3	91	
1	Tiếng Việt 3 tập 1 - Kết Nối		91
2	Tiếng Việt 3 tập 2 - Kết Nối		91
3	Toán 3, tập 1 - Kết Nối		91
4	Toán 3, tập 2 - Kết Nối		91
5	Đạo đức 3 - Kết Nối		91
6	Tự nhiên xã hội 3 - Kết Nối		91
7	Giáo dục thể chất 3 - Kết Nối		91
8	Âm nhạc 3 - Kết Nối		91
9	Mĩ thuật 3 - Kết Nối		91
10	Hoạt động trải nghiệm 3 - Kết Nối		91
11	Tin học 3 - Kết Nối		91
12	Tiếng Anh 3 - Kết Nối		91
13	Công nghệ 3		91
IV.	SGK khối 4	103	
1	Tiếng Việt 4 tập 1 - Kết Nối		103

2	Tiếng Việt 4 tập 2 - Kết Nối		103
3	Toán 4, tập 1 - Kết Nối		103
4	Toán 4, tập 2 - Kết Nối		103
5	Đạo đức 4 - Kết Nối		103
6	Công nghệ 4 - Kết Nối		103
7	Giáo dục thể chất 4 - Kết Nối		103
8	Âm nhạc 4 - Kết Nối		103
9	Mĩ thuật 4 - Kết Nối		103
10	Hoạt động trải nghiệm 4 - Kết Nối		103
11	Tin học 4 - Kết Nối		103
12	Tiếng Anh 4		103
13	Lịch sử và Địa lý 4 - Kết Nối		103
14	Khoa học 4 - Kết Nối		103
V	SGK khối 5	96	
1	Tiếng Việt 5 tập 1 - Kết Nối		96
2	Tiếng Việt 5 tập 2 - Kết Nối		96
3	Toán 5, tập 1 - Kết Nối		96
4	Toán 5, tập 2 - Kết Nối		96
5	Đạo đức 5 - Kết Nối		96
6	Công nghệ 5 - Kết Nối		96
7	Giáo dục thể chất 5 - Kết Nối		96
8	Âm nhạc 5 - Kết Nối		96
9	Mĩ thuật 5 - Kết Nối		96
10	Hoạt động trải nghiệm 5 - Kết Nối		96
11	Tin học 5 - Kết Nối		96
12	Tiếng Anh 5		96
13	Lịch sử và Địa lý 5 - Kết Nối		96
14	Khoa học 5 - Kết Nối		96

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm: có 35 đầu sách, 212 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 92 quyển.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Nhà trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và đón bằng công nhận chuẩn vào tháng 7/2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

HKI, Năm học 2025 - 2026 nhà trường có tổng số 486 học sinh, số học sinh nữ là 326 em chiếm 67,1%. Có 17 lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 29 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99,6% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 486/486 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 09 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

- **Kết quả tuyển sinh:** Công tác tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026 là 90 học sinh. Tỷ lệ học sinh tuyển mới vào lớp 1 đạt 128,57% chỉ tiêu theo kế hoạch được giao (chỉ tiêu được giao là 20 học sinh).

- Thông tin về học sinh

ST T	Nội dung chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó				
			Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5

1	Số lớp	17	4	4	3	3	3
2	Số học sinh	486	90	100	93	103	100
3	Số học sinh bình quân/ lớp	28.6	22.5	25	31	34.3	33.3
4	Số học sinh học 02 buổi/ngày	486	90	100	93	103	100
5	Số học sinh nam/học sinh nữ	250/236	46/44	51/49	48/45	53/50	52/48
6	Số học sinh dân tộc thiểu số	484	90	100	92	103	99
7	Số học sinh khuyết tật	9	0	1	2	2	4
8	Số học sinh chuyển trường	1	0	0	01	0	0
9	Số học sinh bỏ học	1	0	0	0	1	0
10	Số học sinh tiếp nhận học tại trường	6	1	1	1	3	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- *Đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT)*

TS học sinh 478/486 (Trong đó có 01 học sinh KT tham gia đánh giá; 8 HS KT không tham gia đánh giá)

Môn	Xếp loại	Tổng số-Phần trăm		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
		478/486		90/90	99/100	91/93	102/103	96/100
		SL	%	1	2	3	4	5
Tiếng việt	H. thành tốt	82	17.2	12	16	16	21	17
	H. thành	373	78.0	69	77	67	81	79
	Chưa HT	23	4.8	9	6	8	0	0
Toán	H. thành tốt	94	19.7	20	24	14	23	13
	H. thành	358	74.9	62	65	69	79	83
	Chưa HT	26	5.4	8	10	8	0	0
Đạo đức	H. thành tốt	92	19.3	17	21	22	19	13
	H. thành	385	80.5	72	78	69	83	83
	Chưa HT	1	0.2	1	0	0	0	0
TNXH (280)	H. thành tốt	54	19.3	17	18	19		
	H. thành	223	79.6	70	81	72		
	Chưa HT	3	1.1	3	0	0		
Khoa học(198)	H. thành tốt	33	16.7				18	15
	H. thành	165	83.3				84	81

	Chưa HT	0	0				0	0
Lịch sử và Địa lí (198)	H. thành tốt	36	18.2				21	15
	H. thành	162	81.8				81	81
	Chưa HT	0					0	015
Âm nhạc	H. thành tốt	91	19.0	15	20	25	17	14
	H. thành	387	81.0	75	79	66	85	82
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
Mĩ Thuật	H. thành tốt	89	18.6	13	21	24	17	14
	H. thành	389	81.4	77	78	67	85	82
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
HĐTN	H. thành tốt	95	19.9	11	23	25	22	14
	H. thành	383	80.1	79	76	66	80	82
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
GDTC	H. thành tốt	91	19.0	14	20	25	18	14
	H. thành	387	81.0	76	79	66	84	82
	Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ (289)	H. thành tốt	48	16.6			19	14	15
	H. thành	241	83.4			72	88	81
	Chưa HT	0	0			0	0	0
Tin học (289)	H. thành tốt	42	14.5			22	11	9
	H. thành	247	85.5			69	91	87
	Chưa HT	0	0			0	0	0
Ngoại ngữ (289)	H. thành tốt	45	15.6			14	18	13
	H. thành	244	84.4			77	84	83
	Chưa HT	0	0			0	0	0

Năng lực chung

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tự chủ và tự học	81	17.0	364	76.1	33	6.9
2	Giao tiếp và hợp tác	80	16.7	367	76.8	31	6.5
3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	75	15.7	367	76.8	36	7.5

Năng lực đặc thù

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Ngôn ngữ	85	17.8	374	78.2	19	4.0
2	Tính toán	80	16.7	367	76.8	31	6.5
3	Tin học (289)	48	16.6	241	83.4	0	0
4	Công nghệ (289)	51	17.3	238	82.4	0	0
5	Khoa học (TN-XH)	77	16.1	389	81.4	12	2.5
6	Thẩm mĩ	78	16.3	392	82.0	8	1.7
7	Thể chất	82	17.2	388	81.1	8	1.7

Phẩm chất

TT	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nước	132	27.6	346	72.4	0	0
2	Nhân ái	110	23.0	368	77.0	0	0
3	Chăm chỉ	116	24.3	361	75.7	1	0
4	Trung thực	109	22.8	369	77.2	0	0
5	Trách nhiệm	110	23.0	368	77.0	0	0

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: đồng;

Dự toán được giao trong năm: 8.230.000.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 872.000.000 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 8.872.000.000 đồng

- Kinh phí quyết toán: đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong học kì I năm học 2025–2026, bên cạnh nhiệm vụ dạy học, nhà trường đã tích cực triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ trọng tâm khác theo chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo và UBND xã, cụ thể:

1. Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn và kế hoạch cá nhân phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

100% giáo viên tham gia tập huấn bồi dưỡng modul theo chương trình mới qua hệ thống LMS; triển khai áp dụng hiệu quả các nội dung bồi dưỡng vào thực tiễn giảng dạy.

Tổ chức đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, đảm bảo công bằng, khách quan, đúng quy định.

2. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

Triển khai thực hiện tốt **Đề án tăng cường tiếng Việt** giai đoạn 2021–2025: Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ như kể chuyện, đọc sách, giao lưu tiếng Việt, ngày hội tiếng Việt.

100% giáo viên dạy lớp 1, 2, 3 có biện pháp hỗ trợ học sinh lớp mình thông qua dạy học linh hoạt, tăng cường hoạt động giao tiếp và sử dụng học liệu trực quan.

Huy động sự hỗ trợ của phụ huynh, cộng đồng trong việc tạo môi trường tiếng Việt cho học sinh tại nhà và ngoài lớp học.

3. Triển khai hiệu quả hoạt động trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống

Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch: chăm sóc cây xanh, tìm hiểu văn hóa dân tộc địa phương, rèn kỹ năng giao tiếp, phòng tránh tai nạn thương tích...

Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội phụ huynh tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn nghệ, thể thao, ngày hội thiếu nhi, trò chơi dân gian.

Tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng chống bạo lực học đường.

4. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2. Cập nhật, quản lý dữ liệu phổ cập trên phần mềm theo đúng thời gian quy định.

Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền vận động trẻ em trong độ tuổi ra lớp đạt 100%.

5. Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được tập huấn, tuyên truyền về phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em.

Nhà trường có kế hoạch, tổ chức trực trường, phân công trực bảo vệ học sinh trước, trong và sau giờ học; thường xuyên rà soát, kiểm tra thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo an toàn.

6. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục

Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý giáo dục như CSDL ngành, SMAS, phần mềm đánh giá học sinh, quản lý thư viện, quản lý tài chính.

Khuyến khích giáo viên sử dụng công nghệ trong dạy học, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá, tăng cường ứng dụng Google Meet, Zalo, Canva, PowerPoint, Wordwall, Quizziz...

Tăng cường hoạt động thư viện điện tử, đọc sách trực tuyến và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức qua mạng.

7. Tham gia các phong trào, cuộc thi do ngành tổ chức

Tích cực hưởng ứng và tham gia các hội thi cấp trường, cấp xã như: Hội thao ngành giáo dục, Giao lưu “Tiếng Việt của chúng em”, Giao lưu “Toán tuổi thơ” thi giáo viên dạy giỏi, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, viết sáng kiến kinh nghiệm, cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn, hoạt động văn hóa – thể thao....

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường PTDTBT TH Keo Lôm theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2026)/.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Liên